

Bản án số: 94/2024/HNGĐ-ST
Ngày 24-4-2024
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Quốc Trọng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hoài Phong

Ông Lê Văn Chuộng

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Hà Thị Diễm My là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi.

Ngày 24 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 113/2024/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2024, về “tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 97/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1991; địa chỉ cư trú: Ấp TĐB, xã TAK, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- **Bị đơn:** Anh Trần Được E, sinh năm 1986; địa chỉ cư trú: Ấp TĐB, xã TAK, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Nguyễn Thị N trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Được E chung sống năm 2010, có đăng ký kết hôn tại UBND xã TAK, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau, hôn nhân tự nguyện. Trong quá trình chung sống, anh chị phát sinh mâu thuẫn do anh Được E có quan hệ với người phụ nữ khác, mâu thuẫn đã được gia đình hàn gắn nhưng không thành, anh chị ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Chị N yêu cầu ly hôn với anh Được E.

- Về con chung: Chị và anh Được E có hai con chung là: Cháu Trần Tuấn A, sinh ngày 28/02/2011 và cháu Trần Kỳ A, sinh ngày 28/11/2016. Khi ly hôn, chị N đồng ý giao hai cháu cho anh Được E tiếp tục nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng không đặt ra.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Anh Trần Được E trình bày:

- Về hôn nhân: Anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị N.
- Về con chung: Anh yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai con, không đặt ra cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị N và anh Trần Được E có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự trên là phù hợp.

[2] Về hôn nhân: Chị N, anh Được E chung sống năm 2010, có đăng ký kết hôn tại UBND xã TAK, hôn nhân tự nguyện theo đúng quy định nên được pháp luật thừa nhận là vợ chồng. Theo chị N xác định nguyên nhân mâu thuẫn do anh Được E có quan hệ với người phụ nữ khác, mâu thuẫn đã được gia đình hàn gắn nhưng không thành, anh chị ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Xét mâu thuẫn của anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình cho chị N được ly hôn anh Được E.

[3] Về con chung xét thấy: Từ khi chị N, anh Được E ly thân đến nay, cháu Tuấn A và cháu Kỳ A sống chung với anh Được E vẫn phát triển đầy đủ về thể chất lẫn tinh thần và theo văn bản ghi ý kiến thể hiện hai cháu có nguyện vọng sống chung với anh Được E. Việc chị N, anh Được E thống nhất giao hai cháu cho anh Được E tiếp tục nuôi dưỡng là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên được ghi nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không đặt ra nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết là phù hợp.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết là phù hợp.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị N phải chịu 300.000đ, đã nộp đủ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 53 và khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Nguyễn Thị N, cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Trần Được E.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Tuấn A, sinh ngày 28/02/2011 và cháu Trần Kỳ A, sinh ngày 28/11/2016 cho anh Trần Được E tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Chị Nguyễn Thị N không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000đ theo biên lai số 0000861 ngày 18 tháng 3 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi, chị N đã nộp đủ.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Ủy ban nhân dân xã TAK, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng Quốc Trọng